

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ Đ
TỈNH G L**

Số: 02/2022/QĐST-VDS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đ Đ, ngày 14 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
“V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích”**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ, TỈNH G L

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông N T S.

Thư ký phiên họp: Bà N T Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ tham gia phiên họp:

Bà: L T T B - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST-VDS ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :*

Chị: N T L A, sinh năm: 1990

Địa chỉ: T X, xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh: B V K, sinh năm: 1984

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: T X, xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 29/6/2022 và bản tự khai ngày 30/6/2022 và tại phiên họp, chị N T L A trình bày:

Chị N T L A và anh B V K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Trong quá trình

chung sống vợ chồng chị N T L A và anh B V K có 02 con chung là B T K H, sinh ngày 26/02/2012; B N MQ, sinh ngày 31/12/2016.

Quá trình chung sống chị N T L A và anh B V K vẫn làm ăn bình thường tại T X, xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L, vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì. Nhưng không hiểu vì lý do gì đến ngày 15/01/2019 anh B V K đã tự ý bỏ nhà đi đến nay không liên lạc với gia đình và không có tin tức gì. Quá trình anh B V K bỏ đi chị N T L A đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không biết chồng mình ở đâu và cũng không có tin tức gì.

Thôn trưởng T X, xã Đ S M, Công an xã Đ S M và Ủy ban nhân dân xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L xác nhận: Đương sự B V K vắng mặt tại địa phương từ ngày 15/01/2020 đến nay không rõ địa chỉ.

Chị N T L A đã tiếp tục đăng tin, thông báo tìm kiếm thông tin về anh K trên phương tiện thông tin đại chúng nhiều lần nhưng vẫn không có tin tức của anh K. Do đó, chị N T L A yêu cầu Tòa án tuyên bố anh B V K, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú cuối cùng: T X, xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L mất tích.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ Đ phát biểu ý kiến:* Quá trình thụ lý hồ sơ và tại phiên họp, Thẩm phán chủ tọa phiên họp đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu tuyên bố một người mất tích của chị N T L A đối với anh B V K, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú cuối cùng: T X, xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự; ý kiến của đương sự, của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đ Đ nhận định:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L cấp cho chị N T L A và anh B V K, có cơ sở xác định chị A và anh K là vợ chồng hợp pháp, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 387 của Bộ luật tố tụng dân sự thì chị N T L A có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố anh B V K mất tích theo quy định của Bộ luật dân sự.

[2]. Theo xác nhận của Thôn trưởng T X, xã Đ S M, Công an xã Đ S M và Ủy ban nhân dân xã Đ S M, huyện Đ Đ, tỉnh G L thì anh B V K đã bỏ đi khỏi địa phương biệt tích từ ngày 15/01/2019 đến nay là đã hơn 02 năm chị A đã thông báo tìm kiếm thông tin về anh B V K trên Đài phát thanh – truyền hình tỉnh G L ngày 30/6/2022 nhưng không có kết quả nên Tòa án nhân dân Huyện Đ Đ thụ lý đơn yêu cầu của chị N T L A là có căn cứ.

[3]. Ngày 19/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Đ Đ đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố là mất tích số 09/2022/QĐ-TA, thông tin tìm kiếm đối với anh B V K được đăng trên báo Công lý trong ba kỳ liên tiếp 59, 60, 61 ra các ngày 26/7/2022, 29/7/2022 và 02/8/2022 và đăng tin trên sóng Đài tiếng nói Việt Nam vào lúc 17h30 – 18h các ngày 24, 25, 26/7/2022, nhưng đến ngày 02/12/2022 không có thông tin của người được tìm kiếm nên Tòa án ra Quyết định mở phiên họp và giải quyết việc dân sự là đúng quy định tại Điều 388 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Xét thấy: Anh B V K đã biệt tích hơn 02 năm liền, mặc dù người yêu cầu và Tòa án đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc anh B V K còn sống hay đã chết. Vì vậy, việc chị N T L A yêu cầu Tòa án tuyên bố anh B V K mất tích là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 68 của Bộ luật dân sự.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: chị N T L A phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 27, Điều 149, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 384, Điều 387, Điều 388, Điều 389 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị N T L A:

Tuyên bố anh B V K mất tích.

2/ Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị N T L A phải nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0009634 ngày 30/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Đ, tỉnh G L. Chị N T L A đã nộp đủ lệ phí.

3/ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định, người yêu cầu có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị. Trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L để giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều

9 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh G L;
- VKSND huyện Đ Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ Đ;
- Lưu hồ sơ VDS, Ấn văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

N T S